

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
Giai đoạn 2011-2020

Hà Nội, tháng 02.2011

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do xây dựng Chiến lược

Xây dựng cơ sở đào tạo đạt đẳng cấp quốc tế là mục tiêu hướng tới của mỗi trường đại học trong kỷ nguyên toàn cầu hoá để khẳng định vai trò, vị thế, thương hiệu, tiếp cận thị trường đào tạo và nghiên cứu khoa học trong cơ chế thị trường nhằm đạt hiệu quả đầu tư và phục vụ đất nước cao nhất.

Với những thành tích đã đạt được trong Đào tạo và Nghiên cứu khoa học – Chuyển giao công nghệ (NCKH – CGCN), Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần xây dựng chiến lược phát triển đồng bộ trong giai đoạn tới nhằm phát huy truyền thống đào tạo hơn 40 năm về các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch và xây dựng đô thị.

2. Mục tiêu xây dựng Chiến lược

Xây dựng định hướng phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020 về các mặt: đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công tác tài chính và công tác sinh viên nhằm giữ vững vị trí hàng đầu về đào tạo kiến trúc sư, là trung tâm đào tạo bậc đại học và sau đại học có uy tín trong nước và khu vực, trung tâm khoa học công nghệ các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch và xây dựng.

3. Nhiệm vụ xây dựng Chiến lược

- Đánh giá thực trạng, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội và thách thức về các mặt hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ;
- Định hướng đổi mới các mặt hoạt động, tập trung vào công tác đào tạo, NCKH-CGCN để từng bước đáp ứng các nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế;
- Đề xuất nội dung và giải pháp tổng thể phát triển Nhà trường trên các mặt công tác theo định hướng và kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện.

4. Căn cứ xây dựng Chiến lược

- Luật Giáo dục năm 2005;
- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000;
- Nghị quyết Trung ương II, khoá VIII của Đảng về xây dựng và phát triển khoa học công nghệ và đào tạo, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục;

TR
Đ
KI

- Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012;
- Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH-CN công lập;
- Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Báo cáo số 760/BC-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2009 về sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học, các giải pháp đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo;
- Đề án phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đến năm 2010;
- Thực trạng của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và kết quả đánh giá ngoài năm 2008.

B. PHẦN NỘI DUNG

1. SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội có sứ mạng đảm nhiệm công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật các ngành kinh tế - xã hội của Đất nước ở trình độ đại học và sau đại học, đặc biệt là kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, kỹ thuật hạ tầng đô thị và quản lý đô thị; Là trung tâm đi đầu trong việc nghiên cứu giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản; Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đào tạo, khoa học công nghệ có chất lượng cao phục vụ yêu cầu xây dựng và phát triển Đất nước theo hướng hội nhập quốc tế.

2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

2.1. Điểm mạnh

- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội là cơ sở đào tạo có uy tín, với bề dày truyền thống đào tạo đại học và sau đại học về lĩnh vực kiến trúc và xây dựng; Trường đã đào tạo được một số lượng lớn kiến trúc sư, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ và đào tạo sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công cuộc xây dựng Đất nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và độ tuổi trung bình trẻ.
- Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hệ thống và cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng bậc đào tạo, được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến thường xuyên.

- Kế hoạch đào tạo được xây dựng đồng bộ kịp thời, có cơ chế giám sát và kiểm tra các hoạt động đào tạo. Phương thức đào tạo đã được chuyển đổi theo tín chỉ, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiên tiến. Mô hình đào tạo kiến trúc sư theo xướng kết hợp lý thuyết và thực hành đang được hoàn thiện. Trường đã chủ động trong đào tạo liên kết, đào tạo liên thông theo nhu cầu xã hội.
- Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, khai thác các nguồn thu, có cơ chế khen thưởng, động viên kịp thời cán bộ, giảng viên và người lao động.
- Hệ thống trang thiết bị, các phòng thí nghiệm, hệ thống thư viện được quan tâm phát triển. Nhà thi đấu, hệ thống lớp học, hệ thống phòng thí nghiệm mới, văn phòng khoa và bộ môn đang được xây dựng và hoàn thiện, đến năm 2012 về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo trong giai đoạn mới.
- Trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế. Trường đã ký kết nhiều hợp tác liên kết trong đào tạo và chuyển giao công nghệ với các tổng công ty lớn trong nước, nâng cao vị thế và uy tín của Trường.

2.2. Điểm yếu

- Khả năng tiến hành nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội của cán bộ khoa học còn hạn chế; Cơ chế quản lý khoa học chưa đổi mới và chưa theo kịp yêu cầu của nền kinh tế thị trường, phần nào còn mang tính hành chính.
- Việc triển khai phương pháp giảng dạy mới chưa đồng bộ, chưa xây dựng được bộ tiêu chí chuẩn để đánh giá chất lượng giờ dạy của giảng viên.
- Chưa khai thác triệt để các dự án hợp tác quốc tế để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.
- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể của cán bộ và sinh viên chưa thực sự hiệu quả và chưa phát huy hết vai trò và năng lực vốn có.
- Diện tích khuôn viên trường chật hẹp. Khu ký túc xá sinh viên còn thiếu. Hệ thống thông tin, thư viện chưa theo kịp nhu cầu phát triển chung; Đầu tư cho khoa học công nghệ và trang thiết bị phòng thí nghiệm còn thấp.
- Thu nhập của viên chức và người lao động chưa theo kịp sự phát triển kinh tế-xã hội Đất nước.

2.3. Cơ hội

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển hiện nay, Trường có đầy đủ cơ sở phát triển theo định hướng đào tạo liên thông liên kết và nghiên cứu đa lĩnh vực về kiến trúc, quy hoạch và xây dựng, đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội. Khi cơ sở 2 được triển khai và hoàn thành, Trường sẽ có một cơ ngơi hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường trong tương lai.
- Uy tín và kinh nghiệm trong hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho Nhà trường tiếp cận các chuẩn đào tạo khu vực và quốc tế, góp phần tăng nguồn thu cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.4. Thách thức

- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chịu những ảnh hưởng tiêu cực chung của ngành giáo dục và đào tạo Việt Nam vốn tụt hậu so với thế giới và khu vực..
- Trong nền kinh tế thị trường, các cán bộ có kinh nghiệm chuyên môn dễ dàng tìm được các công việc mới với các ưu đãi và các điều kiện thuận lợi hơn so với môi trường giáo dục, tạo ra nguy cơ thiếu hụt cán bộ chuyên môn đầu ngành, chảy máu chất xám.
- Hiện tại và trong tương lai, ngày càng có nhiều trường phát triển đào tạo những chuyên ngành về xây dựng. Các trường đại học mới, trường ngoài công lập thường gọn, linh hoạt, năng động tạo ra sự cạnh tranh ngày càng lớn.
- Đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học chưa đáp ứng tốt yêu cầu nghiệp vụ trong tình hình mới càng làm nổi rõ nguy cơ tụt hậu của Nhà trường.

3. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

3.1. Mục tiêu

- Đáp ứng nguồn nhân lực chuyên môn về số lượng và chất lượng cho ngành Xây dựng và các ngành kinh tế khác;
- Tạo lập cơ hội học tập phong phú, đa dạng, liên thông cho tất cả người học, tạo điều kiện để người học phát huy tối đa tiềm năng;
- Xây dựng thành công nội dung, chương trình đào tạo tiên tiến, gắn kết chặt chẽ đào tạo với KHHCN hướng tới hội nhập quốc tế;
- Đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học đạt trình độ khu vực, đồng thời thu hút nhân tài trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học;
- Tạo môi trường tốt về cơ sở vật chất, xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin ở trình độ cao.

3.2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tới năm 2020

- Xây dựng nội dung chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học đạt trình độ quốc tế và khu vực.
- Nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng làm tiền đề đổi mới và phát triển đào tạo, tiếp cận thị trường.
- Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng được các nhu cầu về đào tạo, KHHCN trong xu thế hội nhập, quốc tế hoá.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.
- Phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học, các tổ chức, các doanh nghiệp quốc tế và trong nước trên nguyên tắc phát triển với cơ sở tiềm năng hiện hữu, cùng có lợi.

4. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

4.1. Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý

- *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức:*

Đổi mới cơ cấu tổ chức đáp ứng các nhiệm vụ và yêu cầu phát triển từng giai đoạn;

Thành lập các bộ phận chức năng để phát triển các chuyên ngành đào tạo; Hoàn thiện, chuyển đổi nâng cấp chức năng hoạt động và mô hình tổ chức của bộ phận chuyển giao công nghệ.

- *Nâng cao hiệu quả hoạt động:*

Hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Đổi mới cơ chế quản lý các bộ phận nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định;

Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác thanh tra; Phát huy vai trò bộ môn; Phân cấp quản lý, xây dựng và hoàn chỉnh đề án phát triển của từng bộ phận chức năng.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực

- *Bổ sung nguồn nhân lực:*

Tuyển dụng có kế hoạch giảng viên và cán bộ khoa học theo nhu cầu phát triển đào tạo, NCKH-CGCN, ưu tiên tuyển dụng cán bộ đã trải qua thực tiễn, có trình độ sau đại học và những cán bộ tốt nghiệp đại học, sau đại học tại các nước phát triển và người có trình độ ngoại ngữ cao;

Có cơ chế thích hợp để thu hút các nhà khoa học người nước ngoài, Việt kiều, cán bộ trẻ được đào tạo ở nước ngoài về tham gia giảng dạy tại trường;

- *Đào tạo nguồn nhân lực:*

Lập kế hoạch đào tạo trong nước và quốc tế, tận dụng các chương trình đào tạo cán bộ ở nước ngoài của chính phủ để cử cán bộ trẻ đi học; Tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; Mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ của trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới. Khai thác tối đa các quan hệ hợp tác quốc tế để đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ;

Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ của Trường và các đơn vị, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ thường xuyên thông qua các khoá đào tạo trong và ngoài nước; Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao cho hoạt động hợp tác quốc tế.

- *Sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực:*

Phân công đúng năng lực và nguyện vọng, cải thiện môi trường làm việc cho cán bộ khoa học, giảng viên, nâng phụ cấp, tạo điều kiện cho cán bộ trong việc phong các chức danh khoa học.

Nâng lương trước thời hạn cho các cán bộ có thành tích xuất sắc, sa thải hoặc chuyển chuyên các cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ.

4.3. Nâng cao chất lượng đào tạo

- *Lựa chọn, xây dựng mô hình đào tạo:*

Xác định các mô hình đào tạo trong điều kiện mới đảm bảo độc lập, tự chủ, đáp ứng mục tiêu đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

Đổi mới và phát huy hiệu quả các loại hình đào tạo ngắn hạn, đào tạo liên kết với các trường đại học trong nước và quốc tế; Xây dựng và hoàn thiện mô hình đào tạo theo tín chỉ, đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế.

Đổi mới tư duy trong đào tạo, gắn kết lý thuyết với thực hành, trong đó lấy sinh viên làm trung tâm.

- *Đổi mới công tác tuyển sinh:*

Cải tiến công tác tuyển sinh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực, đảm bảo quyền lợi công bằng cho thí sinh; Xây dựng qui chế tuyển sinh đặc thù cho các ngành năng khiếu đảm bảo mục tiêu phân loại thí sinh chính xác và nâng cao chất lượng đầu vào.

- *Đổi mới chương trình đào tạo:*

Điều chỉnh và cơ cấu lại chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt nam, có cấu trúc hợp lý, mục tiêu cụ thể, có tính liên thông, đáp ứng tốt yêu cầu của trình độ đào tạo, nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động;

Phát triển các ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội theo hướng hội nhập quốc tế; Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo tiên tiến, đưa chuẩn chương trình đào tạo trong nước tiếp cận với chuẩn chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo trên thế giới, đạt thoả thuận về tương đương văn bằng với một số cơ sở đào tạo trên thế giới;

Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình đào tạo liên thông bậc đại học, các chương trình tiên tiến, đào tạo liên kết trong và ngoài nước; Gắn liền nội dung đào tạo với nhu cầu thực tế xã hội, triển khai các đề án, bài tập qua các đề tài thực tế.

- *Đổi mới phương pháp dạy và học:*

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực tự học, lấy người học làm trung tâm. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong dạy và học.

- *Đổi mới công tác quản lý đào tạo:*

Đổi mới công tác kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên, thực hiện 3 công khai; Kiện toàn đơn vị chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng;

Nâng cấp đồng bộ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; Đẩy mạnh vai trò quản lý cấp khoa, bộ môn, thống nhất quản lý các hệ đào tạo; Đảm bảo đánh giá định kỳ công tác quản lý đào tạo trên nguyên tắc đa chiều.

4.4. Đổi mới công tác quản lý người học

- *Nâng cao vai trò công tác quản lý người học:*

Tuyên truyền giới thiệu về Nhà trường thông qua các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, các hoạt động văn hoá, thể thao và coi công tác sinh viên là nhiệm vụ thường xuyên của Nhà trường.

- *Đổi mới phương thức quản lý người học:*

Đẩy mạnh việc cải tiến phương pháp học tập của sinh viên thông qua cải tiến giảng dạy của giảng viên, thực hiện công bằng trong việc đánh giá học tập và rèn luyện của sinh viên. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng hoạt động theo nhóm, hoạt động độc lập trong học tập và nghiên cứu khoa học, nâng cao khả năng thuyết trình trước tập thể;

Quan tâm, chăm lo cho sinh viên từ khi vào trường; Giải quyết chỗ ở trong ký túc xá cho 100% sinh viên có nhu cầu, thành lập các trung tâm tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập, nghề nghiệp; Giới thiệu, tư vấn việc làm và các vấn đề xã hội khác.

Tổ chức các sinh hoạt ngoại khoá định kỳ do Khoa hoặc Đoàn thanh niên, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên chủ trì giúp sinh viên có ý thức tốt trong nhận thức, tính tự giác trong học tập, phát huy tính năng động, sáng tạo và bản lĩnh của sinh viên tránh tệ nạn xã hội.

- *Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý người học:*

Xây dựng hệ thống dữ liệu cập nhật các thông tin về quá trình đào tạo của người học và các chương trình và hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà Trường.

Xây dựng trung tâm học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên, khuyến khích sinh viên độc lập nghiên cứu, tra cứu tài liệu tham khảo, sách tiếng nước ngoài ở thư viện và trên mạng Internet.

4.5. Nâng cao chất lượng công tác KHCN

- *Đổi mới nội dung hoạt động KHCN:*

Đa dạng hoá các loại hình NCKH nhằm khai thác hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác;

Tìm kiếm các dự án hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt quan tâm các dự án trong mạng lưới các trường đại học đang tham gia;

Mở rộng phong trào và nâng cao chất lượng NCKH của sinh viên;

Chủ động thành lập các nhóm nghiên cứu KHCN liên ngành, đăng ký thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp gắn bó chặt chẽ với các chương trình KHCN của Nhà nước, Ngành và Địa phương; Tập trung về nhân lực, trang thiết bị cho các lĩnh vực KHCN mũi nhọn, có thế mạnh của Nhà trường.

- *Nâng cấp công tác quản lý NCKH:*

Xây dựng các chương trình, kế hoạch và định hướng nghiên cứu chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá hỗ trợ cán bộ, giảng viên trong công tác NCKH. chuyển giao dần công tác quản lý nghiệp vụ về các khoa đào tạo với định hướng tăng quyền chủ động cho các khoa trong công tác NCKH;

Ứng dụng công nghệ thông tin toàn diện, trình độ cao trong công tác quản lý khoa học.

- *Nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức KHCN:*

Nâng cao năng lực và xây dựng hệ thống các doanh nghiệp thuộc trường hoạt động theo luật doanh nghiệp; Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu, trung tâm KHCN hỗ trợ tích cực các hoạt động nghiên cứu của Nhà trường.

- *Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ:*

Hình thành, đẩy mạnh công tác bảo hộ thành quả nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ

4.6. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước và quốc tế

– *Đổi mới nội dung hoạt động hợp tác quốc tế:*

Tăng cường ký kết và triển khai thực hiện các văn bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế, nâng cao chất lượng HTQT ở tất cả các khâu, các mặt nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài; Rà soát các quan hệ hợp tác quốc tế để nâng cao hiệu quả các quan hệ hợp tác hiện có, đồng thời có căn cứ để lựa chọn và tìm kiếm các đối tác chiến lược; Phân nhóm các mối quan hệ và xây dựng chính sách cụ thể cho từng nhóm;

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn mang tầm khu vực và thế giới nhằm mở rộng quan hệ, giao lưu, trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên hướng tới việc tạo một mạng lưới liên kết ổn định; Quảng bá hình ảnh Trường với quốc tế; Đẩy mạnh chương trình đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh...

Đa phương hoá, đa dạng hoá các loại hình hợp tác; Ưu tiên hợp tác với các trường đại học và các tổ chức quốc tế có quan hệ truyền thống là những trường, cơ quan đã được các tổ chức quốc tế đánh giá có uy tín về chất lượng giáo dục tốt cũng như về tính cập nhật thời đại.

– *Đổi mới phương thức tổ chức và quản lý các hoạt động hợp tác:*

Đẩy mạnh vai trò của các khoa, đơn vị trong các hoạt động hợp tác quốc tế và xem đây như là trách nhiệm của đơn vị;

Khuyến khích, hỗ trợ về cơ chế và nguồn lực (tài chính, con người) để cán bộ, giảng viên có đủ điều kiện và tư cách pháp nhân hợp tác với các đơn vị ngoài nước.

4.7. Giải pháp đồng bộ gắn bó chặt chẽ đào tạo, KHCN và Hợp tác quốc tế

– *Đổi mới tư duy về mối liên kết đào tạo, NCKH-CGCN, hợp tác quốc tế:*

Xây dựng mối liên hệ chặt chẽ và linh hoạt giữa hoạt động đào tạo và hoạt động KHCN trong Trường, đồng thời phân cấp mạnh 2 hoạt động trên về các khoa chuyên ngành nhằm tăng tính tích cực chủ động cho các khoa, hình thành ngân sách cấp khoa chi cho hoạt động NCKH được phân bổ từ ngân sách cấp trường;

Gắn liền công tác đào tạo, KHCN với thực tiễn thông qua các dự án, đề tài;

Đổi mới phương thức hoạt động của các đơn vị KHCN trong Trường theo hướng liên kết Đào tạo - NCKH & GCN.

– *Đổi mới hệ thống thông tin của Trường:*

Xây dựng mạng lưới thông tin KHCN liên kết trong và ngoài nước theo hướng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo tin chỉ và NCKH-CGCN, liên kết thông tin phục vụ đào tạo và thông tin KHCN;

Nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học Kiến trúc – Xây dựng nhằm hỗ trợ việc công bố những kết quả nghiên cứu khoa học rộng rãi, đồng thời tạo ra các mối liên kết với các cộng đồng khoa học địa phương, quốc gia, và quốc tế và nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học;

Nâng cấp trang thông tin KHCN trên Website của Nhà trường.

4.8. Nâng cao năng lực tài chính cho mọi mặt hoạt động

- *Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính:*

Thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về quản lý tài chính trong các trường công lập, đảm bảo công khai minh bạch và công bằng, sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả; Giao thí điểm tự chủ 100% kinh phí thường xuyên đối với những ngành mũi nhọn của Nhà trường.

- *Phát triển nguồn thu bằng nhiều phương thức linh hoạt:*

Tăng cường khâu tiếp thị, đầu tư cho sản xuất kinh doanh và dịch vụ để tăng doanh thu, tạo nguồn thu nhập hợp pháp hỗ trợ cho đào tạo;

Kết hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo theo nhu cầu xã hội, đa dạng hóa phương thức đào tạo, phù hợp với sự phát triển hội nhập của đất nước; Tăng thu từ các nguồn tài trợ cho giáo dục của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong, ngoài nước;

- *Nâng cao hiệu quả đầu tư:*

Tích cực tạo nguồn tài chính để có khả năng mở rộng công tác cho HTQT, một mặt trích một phần kinh phí tương xứng cho HTQT từ quỹ chi tiêu nội bộ, chủ động tìm và tạo nguồn hỗ trợ cho HTQT từ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và các nhà hảo tâm trong và ngoài nước;

Tăng cường tỷ lệ kinh phí cho hoạt động NCKH của giảng viên và nâng dần mỗi năm đạt mức tối thiểu là 10% vào năm 2020, tăng dần mức đóng góp vào ngân sách trường từ hoạt động NCKH;

- *Đổi mới chế độ phân phối tiền lương, đãi ngộ.*

4.9. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất

- *Hệ thống phòng học, phòng làm việc đảm bảo hoạt động giảng dạy và quản lý:*

Quy hoạch sắp xếp lại khuôn viên cơ sở 1 và đầu tư cải tạo thêm diện tích làm việc để bố trí đủ phòng làm việc cho các phòng ban, khoa, bộ môn, các Viện, Trung tâm, các xưởng học chuyên ngành, các chức năng dịch vụ khác; Đầu tư trang thiết bị hoàn chỉnh cho nhà học 13 tầng.

- *Chuẩn bị cơ sở 2 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội:*

Xin cấp đất xây dựng cơ sở 2 với đủ diện tích theo tiêu chuẩn. Duy trì cơ sở vật chất đảm bảo đào tạo quy mô hiện tại ở cơ sở 1 đồng thời với việc đầu tư triển khai xây dựng cơ sở 2.

- *Bổ sung, nâng cấp hệ thống thư viện, các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đạt chuẩn quốc gia và quốc tế:*

Cải tiến phương thức khai thác, bổ sung cán bộ chuyên môn; Tăng cường tư liệu, trang thiết bị cho thư viện nâng cao khả năng khai thác vận hành thiết bị theo hướng hiện đại; Thường xuyên tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng các phòng thí nghiệm nghiên cứu, xưởng thực nghiệm mới tại cơ sở 2.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mạng, phần mềm quản lý đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH:

Đầu tư theo dự án hạ tầng mạng, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và KHCN.

- Cải tạo ký túc xá hiện có, xây dựng thêm ký túc xá mới và nhà công vụ đáp ứng đủ yêu cầu của cán bộ và sinh viên.

4.10. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và của các tổ chức đoàn thể

- *Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng:*

Củng cố và phát huy mô hình tổ chức cơ sở Đảng theo hai cấp: Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc; Đẩy mạnh thực hiện tập trung dân chủ; Hoàn thiện Quy chế làm việc của Đảng uỷ; Đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của chi bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra – giám sát.

- *Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể:*

Củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể phát huy tốt vai trò, hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ của tổ chức, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Xây dựng lộ trình và phương thức triển khai chiến lược phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, năng lực của Nhà trường. Mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ hàng năm của Nhà trường.
- Phân công triển khai thực hiện chiến lược, các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng kế hoạch hàng năm của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức thực hiện.
- Xây dựng cơ chế điều chỉnh, giám sát, đánh giá kết quả triển khai Chiến lược. Hàng năm tổ chức hội nghị tổng kết năm học, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ. Trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo phù hợp với thực tiễn.



TS. *Đỗ Đình Diệc*